

Số: /QĐ-STN&MT

Hà Nam, ngày tháng năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Thanh Hà (lô OM-24), huyện Thanh Liêm

### GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc Ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư ngoài Khu công nghiệp thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ biên bản họp hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Thanh Hà (lô OM-24), huyện Thanh Liêm ngày 24 tháng 04 năm 2024;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Thanh Hà (lô OM-24), huyện Thanh Liêm của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thanh Liêm tại văn bản số 93/BC-QLDA ngày 25 tháng 7 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ Môi trường tại Văn bản số 110/CCMT-TĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Thanh Hà (lô OM-24), huyện Thanh Liêm (*sau đây gọi là dự án*) của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm (*sau đây gọi là Chủ dự án*) tại xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (*để b/cáo*);
- UBND tỉnh (*để b/cáo*);
- UBND huyện Thanh Liêm;
- Trung tâm TT, DL và PTQĐ (*đăng Web*);
- Chủ dự án;
- UBND xã Thanh Hà;
- Lưu: VT, MT, HS.

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Chí Thống**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
**Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã**  
**Thanh Hà (lô OM-24), huyện Thanh Liêm**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STN&MT ngày tháng 8 năm 2024  
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nam)

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung về dự án**

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Thanh Hà (lô OM-24), huyện Thanh Liêm.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.
- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Thanh Liêm (Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND huyện Thanh Liêm về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư các dự án đầu tư công).
- Địa chỉ liên hệ: xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

**1.2. Phạm vi, quy mô của dự án**

\* Phạm vi của dự án:

- Vị trí thực hiện dự án: xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.
- Tổng diện tích thực hiện dự án là 39.447,5m<sup>2</sup>, trong đó: đất trồng lúa khoảng 29.945,74 m<sup>2</sup>, đất công cộng (nhà văn hoá hiện trạng) khoảng 120,25 m<sup>2</sup>, đất có mặt nước khoảng 4.337,56 m<sup>2</sup>, đất giao thông hiện trạng khoảng 5.043,95 m<sup>2</sup>.
- Phạm vi thực hiện dự án: San nền; đường giao thông, bãi đỗ xe và hồ trồng cây xanh trên hè đường; hệ thống thoát nước mưa và hoàn trả kênh mương; hệ thống thoát nước thải và hệ thống xử lý nước thải tạm thời; hệ thống cấp nước sạch và PCCC; hệ thống cấp điện và chiếu sáng.

\* Quy mô của dự án:

- Quy mô thực hiện dự án khoảng 39.447,5m<sup>2</sup>, cơ cấu sử dụng đất của dự án cụ thể như sau:

STT	Cơ cấu sử dụng đất theo QH chi tiết 1/500 được duyệt	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở mới (ở liền kề)	17.039,6	43,2
2	Đất cây xanh tập trung	3.297,1	8,36
3	Đất hạ tầng kỹ thuật (hành lang kỹ thuật sau lô)	2.257,5	5,72
4	Đất giao thông, bãi đỗ xe	16.853,3	42,72
4.1	Đất bãi đỗ xe	1.344,1	
4.2	Đất giao thông	15.509,2	
<b>TỔNG</b>		<b>39.447,5</b>	<b>100</b>

- Quy mô dân số khoảng 528 người với 132 lô đất ở liền kề.

### **1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**

- Các hạng mục công trình chính:

+ San nền.

+ Hệ thống đường giao thông, hệ thống an toàn giao thông và hồ trồng cây xanh trên tuyến đường giao thông. Riêng bãi đỗ xe, cây xanh tập trung chỉ san lấp mặt bằng.

+ Hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hoàn trả kênh mương.

+ Hệ thống thu gom, thoát nước thải và hệ thống xử lý nước thải tạm thời.

+ Hệ thống cấp nước sạch và PCCC.

+ Hệ thống cấp điện và chiếu sáng;

- Các hạng mục công trình phụ trợ: 01 lán trại công nhân; 01 khu vực tập kết vật liệu xây dựng; 01 kho chứa chất thải nguy hại; 01 cầu phun rửa xe và 01 bể lắng xử lý nước thải rửa xe.

- Các hoạt động của dự án:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động san nền, thi công xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi thực hiện dự án (*hệ thống đường giao thông, thoát nước mưa, nước thải và hệ thống xử lý nước thải tạm thời, hệ thống cấp điện, cấp nước và PCCC,...*)

+ Giai đoạn hoạt động: Hoạt động thi công xây dựng, cải tạo, sửa chữa của nhà dân; hoạt động sinh hoạt của dân cư trong khu đấu giá; hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tạm thời.

### **1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Dự án yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 29.945,74 m<sup>2</sup>.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

### **2.1. Giai đoạn thi công xây dựng**

\* *Hạng mục công trình:* San nền, đường giao thông; hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hoàn trả kênh mương; hệ thống thu gom, thoát nước thải và hệ thống xử lý nước thải tạm thời; hệ thống cấp nước sạch và cứu hỏa; hệ thống cấp điện và chiếu sáng.

\* *Các hoạt động chủ yếu phát sinh chất thải gồm:*

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, bóc tách đất hữu cơ, đào đất không thích hợp trước khi san nền.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.

- Hoạt động của máy móc, thiết bị thi công xây dựng.

- Hoạt động vận chuyển đổ thải, vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ quá trình san nền, thi công xây dựng.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng.

\* *Các tác động liên quan đến chất thải:*

- Bụi và khí thải ( $SO_2$ ,  $CO$ ,  $NO_2$ ,  $VOC...$ ) phát sinh từ quá trình sản xuất, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đổ thải, hoạt động của máy móc thiết bị phục vụ thi công dự án.

- Nước thải gồm: Nước thải sinh hoạt của công nhân; nước thải rửa xe; nước mưa chảy tràn.

- Chất thải rắn thông thường: Rác thải sinh hoạt của công nhân; chất thải rắn xây dựng; đất hữu cơ bóc tách, bùn, đất đào không thích hợp từ dự án.

- Chất thải nguy hại.

\* *Các tác động không liên quan đến chất thải:*

- Các tác động của tiếng ồn, độ rung.

- Tác động tới vấn đề an toàn giao thông trên các tuyến đường hiện trạng trong phạm vi dự án (*phía Tây và Đông*) và giáp dự án (*tuyến đường Quốc lộ 21 phía Nam dự án*).

## **2.2. Giai đoạn hoạt động**

- *Các hoạt động chủ yếu phát sinh chất thải gồm:*

+ Hoạt động của các phương tiện giao thông đi lại trong phạm vi dự án;

+ Hoạt động xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà dân; hoạt động sinh hoạt của cư dân trong khu vực dự án;

+ Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tạm thời.

- *Chất thải bao gồm:*

+ Bụi và khí thải ( $SO_2$ ,  $CO$ ,  $NO_2$ ,  $VOC...$ ) phát sinh từ hoạt động giao thông đi lại của người dân, từ hoạt động xây dựng, sửa chữa, cải tạo nhà ở của người dân, từ hệ thống điều hòa, khí thải và mùi từ hoạt động nấu ăn hàng ngày của dân cư và từ hệ thống xử lý nước thải tạm thời.

+ Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn.

+ Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại từ hoạt động sinh hoạt của khu dân cư.

\* *Các tác động không liên quan đến chất thải:* Tác động của tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện giao thông; hoạt động xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà dân và các hoạt động sinh hoạt khác của nhân dân.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

### **3.1. Nước thải, khí thải**

#### *3.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng*

\* *Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất nước thải*

- Nước thải sinh hoạt của công nhân khoảng  $1,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$  (*nước thải đen khoảng  $0,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$ , nước thải xám khoảng  $0,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$* ). Các thông số ô nhiễm đặc trưng như:  $BOD_5$ , COD, TSS, tổng N, tổng P, amoni, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

- Nước thải rửa xe với lưu lượng khoảng  $3,92 \text{ m}^3/\text{ngày}$ . Thành phần: Chất

rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng...

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng phát sinh khoảng  $0,33\text{m}^3/\text{s}$ . Thành phần chủ yếu chứa bùn đất, cát.

\* *Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi và khí thải*: Bụi, khí thải từ hoạt động san gạt, đào, đắp, bốc xúc, vận chuyển đất không thích hợp đi đổ thải, từ hoạt động của các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị thi công do tiêu thụ nhiên liệu (dầu DO); hoạt động hàn kết cấu kim loại; hoạt động tưới nhựa đường thấm bám, láng nhựa 3 lớp đường giao thông... Thành phần chủ yếu là bụi,  $\text{SO}_2$ ,  $\text{NO}_x$ , CO, VOC...

### 3.1.2. Giai đoạn hoạt động

\* *Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất nước thải*

- Tổng khối lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của khu dân cư khoảng  $66,528\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ . Thành phần các chất ô nhiễm như: TSS,  $\text{BOD}_5$ , COD,  $\text{NH}_4^+$ ,  $\text{NO}_3^-$ ,  $\text{PO}_4^{3-}$ , dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng phát sinh khoảng  $0,66\text{m}^3/\text{s}$ . Thành phần chủ yếu chứa bùn đất, cát.

\* *Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi và khí thải*

- Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông. Thành phần chủ yếu là: Bụi;  $\text{SO}_2$ ;  $\text{NO}_x$ ; CO; VOC.

- Khí thải, mùi phát sinh do quá trình chế biến thức ăn. Thành phần chủ yếu là khí  $\text{CO}_2$ , hơi nước, mùi thức ăn,...

- Hoạt động của điều hoà không khí: phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính nhưng không đáng kể.

- Bụi từ hoạt động thi công xây dựng, cải tạo sửa chữa công trình của dân cư.

## 3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

### 3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- *Chất thải rắn thông thường*:

+ Khối lượng đất hữu cơ, bùn, đất đào không thích hợp được bóc từ bề mặt diện tích đất trồng lúa, đường giao thông hiện trạng trong khu vực dự án khoảng  $9.669,375\text{m}^3$  (Trong đó khối lượng tận dụng tầng đất mặt để san nền lô cây xanh khoảng  $5.119,65\text{m}^3$ , khối lượng vận chuyển đổ thải khoảng  $4.549,725\text{m}^3$ ).

+ Khối lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và giải phóng mặt bằng của dự án khoảng 29,78 tấn (Trong đó, khối lượng phá dỡ đường bê tông cũ khoảng 5,85 tấn, khối lượng phá dỡ mả mả khoảng 6,75 tấn, khối lượng phá dỡ cột điện, đường điện và trạm biến áp bị ảnh hưởng khoảng 13,4 tấn, khối lượng chất thải rắn từ quá trình xây dựng khoảng 3,78 tấn). Thành phần các chất thải rắn gồm vỏ bao xi măng, đầu mẩu gỗ cốp pha, đất đá, cát, sỏi rơi vãi, gạch vỡ,....

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Khối lượng phát sinh khoảng 10kg/ngày. Thành phần: Các chất hữu cơ (thực phẩm thừa, vỏ rau, củ, quả...), chất vô cơ (giấy vụn

*các loại, nilon, nhựa, kim loại,...).*

- *Chất thải nguy hại:* Khối lượng phát sinh khoảng 492,47kg/quá trình. Thành phần: vỏ thùng sơn; bóng đèn huỳnh quang hỏng; giẻ lau dính dầu mỡ, sơn, xơ bông thấm dầu; dầu mỡ thải; thùng chứa dầu thải; đầu mẫu que hàn thải; thùng chứa nhựa đường.

### *3.2.2. Giai đoạn hoạt động*

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh khoảng 462,7 kg/ngày (trong đó, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt khoảng 422,4 kg/ngày, khối lượng chất thải rắn phát sinh tại các khu vực công cộng khoảng 40,3kg/ngày), bao gồm: thức ăn thừa, giấy các loại, nilon, vỏ chai lọ,....

- *Chất thải rắn phát sinh từ quá trình thi công xây dựng, cải tạo sửa chữa nhà ở của người dân:* Khối lượng rác thải phát sinh khoảng 20 kg/ngày/hộ dân, bao gồm sắt, thép thừa, gạch vỡ, bao bì thải các loại...

- *Chất thải nguy hại:* Khối lượng phát sinh từ khu dân cư khoảng 262,8 kg/năm. Thành phần: sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại; giẻ lau dính dầu; các loại dầu mỡ thải; thiết bị, linh kiện điện tử thải; đầu mẫu que hàn thải; chất tẩy rửa thải; pin, ắc quy thải.

### *3.3. Tiếng ồn, độ rung*

#### *3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng*

Tiếng ồn, độ rung do hoạt động đào, đắp trong quá trình san nền, hoạt động của các xe vận chuyển nguyên vật liệu, đất không thích hợp các máy móc và phương tiện thi công xây dựng trên công trường.

#### *3.3.2. Giai đoạn hoạt động*

Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông, thiết bị điều hòa không khí, màn hình ti vi, máy bơm nước, từ hệ thống xử lý nước thải tạm thời của dự án...

### *3.4. Các tác động khác*

- Các rủi ro sự cố trong giai đoạn thi công và hoạt động của dự án như: Sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, hệ thống xử lý nước thải bị hỏng không hoạt động...

- Tác động đến hệ thống tiêu, thoát nước khu vực.

- Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội khu vực.

- Tác động đến hoạt động giao thông khu vực.

## **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

### **4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải**

#### **4.1.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng**

\* *Biện pháp thu gom và xử lý nước thải*

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng: Bố trí 01 nhà vệ sinh di động dạng nhà container 01 phòng, 01 bồn chứa chất thải với dung tích là 2,5m<sup>3</sup>

để lưu chứa nước thải sinh hoạt phát sinh. Định kỳ thuê đơn vị đủ chức năng hút và đem đi xử lý với tần suất 02 ngày/lần hoặc khi đầy.

- Nước thải rửa xe: Xây dựng 01 bể xử lý 04 ngăn (*ngăn gom, ngăn tách váng dầu, ngăn lắng cặn và ngăn chứa tái sử dụng*) có kích thước dài x rộng x cao = 4,55 x 2,0 x 1,0 (m) để lắng đất, cát và xử lý váng dầu trước khi về bể chứa nước sau xử lý. Nước sau xử lý được lưu chứa và tận dụng rửa xe không xả thải trực tiếp ra hệ thống kênh mương thủy lợi xung quanh. Cầu rửa xe và cụm bể xử lý được đặt tại phía Nam dự án, từ tuyến Quốc lộ 21 đi vào dự án.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Bố trí công nhân làm nhiệm vụ thu gom chất thải rắn trên mặt bằng dự án sau mỗi ngày làm việc để tránh ảnh hưởng khả năng tiêu thoát nước của khu vực dự án và vùng xung quanh.

+ Các tuyến thoát nước đảm bảo tiêu thoát nước, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không gây ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài dự án.

+ Hoàn trả kênh tưới, tiêu đi qua dự án chiều dài 328m, bằng hệ thống cống hộp BTCT có kích thước BxH = 1,5x1,5(m) nằm trên hè đường D1.

\* *Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải*

- Bố trí 01 trạm rửa xe ở khu vực công vào của dự án (phía Nam dự án) để rửa xe trước khi ra khỏi công trường thi công.

- Bố trí công nhân quét dọn vật liệu, đất đá rơi vãi, phun nước giảm thiểu bụi với tần suất 4 lần/ngày tại các tuyến đường vận chuyển gần khu vực dự án (*đặc biệt là tuyến đường phía Nam tiếp giáp với dự án*).

- Bố trí che chắn hoặc phủ kín khu vực nguyên liệu bằng bạt khu vực bãi tập kết vật liệu xây dựng có khả năng phát tán bụi.

- Bố trí tường chắn tôn cao 2-2,5 m tại các khu vực tiếp giáp với khu dân cư khi dự án đang thi công để giảm thiểu ảnh hưởng bụi, tiếng ồn đến người dân xung quanh dự án.

- Ô tô chuyên chở nguyên vật liệu vận chuyển đồ thải là các loại xe được đăng kiểm theo quy định, có bạt che phủ, không chở quá tải, không làm rơi vãi đất đá, nguyên vật liệu chạy đúng tốc độ quy định.

- Không sử dụng máy móc thiết bị quá cũ, kém chất lượng trong thi công.

- Không hoạt động vào các giờ cao điểm về mật độ giao thông.

#### **4.1.2. Trong giai đoạn hoạt động**

\* *Biện pháp thu gom và xử lý nước thải*

- Hệ thống thoát nước thải xây dựng riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa;

- Hướng thoát nước thải chính từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây.

- Hệ thống thu gom thoát nước thải gồm: ga thu, ga thăm và các tuyến cống hệ thống HDPE D300 đi ngầm phía sau các dãy nhà (*phần đất hạ tầng kỹ thuật sau lô*) và trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường giao thông, khoảng cách giữa



các hố ga 25-30cm.

- Biện pháp thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Biện pháp thu gom, xử lý nước thải theo quy hoạch: Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân được thu gom vào các tuyến cống (*đặt trong phần đất hạ tầng kỹ thuật sau lô*) và được thu gom vào tuyến cống chính trên dải cây xanh CX02 rồi thu gom vào hệ thống thoát nước chung của Khu vực về trạm xử lý nước thải theo Quy hoạch chung xã Thanh Hà (*Theo quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của UBND huyện Thanh Liêm về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Thanh Hà (lô OM-24), huyện Thanh Liêm và Quyết định số 2958/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm*).

+ Biện pháp xử lý nước thải tạm thời: Trước mắt, khi Trạm xử lý nước thải tập trung chưa được xây dựng; nước thải sẽ được xử lý cục bộ bằng Hệ thống xử lý nước thải hợp khối dạng composite, xử lý nước thải bằng công nghệ AO-MBBR đặt tại khu cây xanh (CX02) của dự án. Nước thải sinh hoạt từ khu dân cư được thu gom, xử lý theo quy trình: Nước thải sinh hoạt (*nước thải nhà vệ sinh + nước thải xám*) → Bể gom nước thải → Hệ thống xử lý nước thải hợp khối Composite (*được chia thành 4 ngăn: Ngăn thiếu khí, ngăn hiếu khí, ngăn lọc màng MBR, ngăn khử trùng*) → Bể chứa nước sau xử lý → Hệ thống đường ống thoát bằng HDPE D300 dài 16m → Kênh tưới tiêu hoàn trả CT5-4 phía Nam dự án, sau đó tiêu ra sông Kinh Thủy. Nước thải sau xử lý đạt cột A theo QCVN 14:2008/BTNMT. Vị trí tọa độ điểm xả thải theo hệ tọa độ VN 2000: X = 2268176,712; Y = 597167,210 (*theo biên bản thỏa thuận vị trí đấu nối thoát nước thải, nước mưa của dự án giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thanh Liêm, UBND xã Thanh Hà và HTX dịch vụ nông nghiệp xã Thanh Hà, ngày 01/4/2024*).

- Lộ trình đầu tư hệ thống xử lý nước thải tạm thời:

+ Giai đoạn đầu: Đầu tư Hệ thống xử lý nước thải hợp khối composite công suất 30m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý nước thải phát sinh cho khoảng 50% quy mô các lô nhà ở, tương đương 63 lô đất ở (*Theo Văn bản số 1092/SNN-TL ngày 22/8/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tham gia ý kiến xả thải vào công trình thủy lợi của Dự án đầu tư xây dựng HTKT Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Thanh Hà (lô OM-24), huyện Thanh Liêm*).

+ Giai đoạn sau: Tùy thuộc vào thực tế số lượng người dân triển khai xây dựng nhà ở và sinh sống tại khu đấu giá sẽ đầu tư hệ thống xử lý nước thải bằng composite đảm bảo thu gom và xử lý nước thải phát sinh đảm bảo quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Dự án dự kiến sẽ lắp đặt tổng cộng 02 hệ thống xử lý nước thải hợp khối có công suất 30m<sup>3</sup>/hệ thống và 40m<sup>3</sup>/ngày đêm để phù hợp với lộ trình lấp đầy của dự án.

*\* Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn*

- Hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải.

- Hướng thoát nước: từ Đông sang Tây thoát nước ra kênh tưới, tiêu CT5-4 thông qua cửa xả ở phía Tây thoát ra sông Kinh Thủy. Vị trí đầu nối thoát nước mưa có tọa độ X=2268141,918, Y=597005,731 bằng cống tròn D800 (theo biên bản thỏa thuận vị trí đầu nối thoát nước thải, nước mưa của dự án giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thanh Liêm, Ủy ban nhân dân xã Thanh Hà và Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã Thanh Hà ngày 01/4/2024).

- Hệ thống thoát nước được bố trí trên vỉa hè, gồm các tuyến cống tròn BTCT từ D400-D800, hoàn trả kênh tưới, tiêu kết hợp hiện trạng bằng cống hộp BXH=1,5Mx1,5m, giáp khu dân cư hiện trạng bố trí cống B600 thoát nước.

*\* Biện pháp giảm thiểu tác động tới môi trường không khí:*

- Tuân thủ nghiêm chỉnh về chiều rộng mặt cắt đường, vỉa hè. Đảm bảo đường thông thoáng, tránh gây ùn tắc giao thông nhằm hạn chế phát sinh các chất gây ô nhiễm.

- Yêu cầu xe lưu hành đúng tải trọng và đi đúng các tuyến đường quy định.

- Nguyên vật liệu tập kết các khu vực xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà dân phải được người dân che phủ để giảm thiểu khả năng phát tán bụi cũng như chất ô nhiễm khác ra môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước thải đảm bảo hoạt động thường xuyên, tránh làm chết vi sinh.

**4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại**

**4.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

- Rác thải sinh hoạt của công nhân xây dựng: Bố trí 02 thùng nhựa đựng rác sinh hoạt có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng tại khu vực lán trại của công nhân và hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển và đổ thải theo quy định với tần suất 02 ngày/lần.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Toàn bộ đất hữu cơ bóc tách bề mặt khu vực đất trồng lúa theo quy định và một phần bùn, đất hữu cơ không thích hợp nạo vét từ quá trình thi công đường giao thông được tận dụng đổ vào khu vực cây xanh; phần còn lại của đất hữu cơ không thích hợp khoảng 4.549,375m<sup>3</sup> được vận chuyển đổ thải tại thửa đất số 20+44, tờ bản đồ PL4, thuộc Thôn Nhất Nhì, xã Liêm Cần, huyện Thanh Liêm. Diện tích khu tập kết khoảng 2.982m<sup>2</sup>, với khả năng tiếp nhận đổ thải khoảng 5.500m<sup>3</sup>, cách dự án khoảng 5,22km, do UBND xã Liêm Cần quản lý (Theo Biên bản làm việc thỏa thuận vị trí đổ thải giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thanh Liêm và Ủy ban nhân dân xã Liêm Cần ngày 01/04/2024). Trong quá trình vận chuyển đổ thải phải đảm bảo vệ sinh môi trường, không để vật liệu rơi vãi, tránh sạt lở khu vực đổ thải và phát tán ô nhiễm ra môi trường xung quanh.

+ Bê tông và kết cấu gạch xây phá dỡ nền đường, móng cột, cột điện hiện trạng từ khu vực dự án được tận dụng san lấp hoàn toàn trong phạm vi dự án.

+ Đối với chất thải xây dựng khác: Thực hiện tuân thủ theo Quyết định 19/2023/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ban hành quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn theo quy định của pháp luật.

- Chất thải nguy hại: Bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại dạng container 10 feet đặt gần khu lán trại của công nhân và bố trí 5 thùng chứa dung tích 50 lít/thùng để lưu giữ chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị dịch vụ có đủ chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

#### *4.2.2. Trong giai đoạn hoạt động*

- Chất thải sinh hoạt: Các hộ gia đình chịu trách nhiệm tự phân loại tại hộ, sau đó được thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định của pháp luật.

- Chất thải nguy hại: Bố trí khu vực lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích 10m<sup>2</sup> tại khu đất cây xanh CX5 (phía Bắc dự án). Trong kho bố trí 7-10 thùng nhựa HDPE có nắp đậy, dung tích khoảng 40-100 lít/thùng. Thùng chứa được dán nhãn, khu vực lưu trữ được dán biển cảnh báo theo quy định. Định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

### **4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung**

#### *4.3.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng*

- Sử dụng các thiết bị có mức gây ồn thấp. Các thiết bị thi công gây tiếng ồn lớn như máy khoan, máy đào... không hoạt động trong khoảng thời gian từ 17h đến 7h hôm sau và từ 11h30 -13h. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở thiết bị.

- Sử dụng các loại xe, máy móc thi công phù hợp nhằm đảm bảo về quy chuẩn kỹ thuật tiếng ồn, giảm tốc độ của xe cộ khi qua khu vực dân cư.

#### *4.3.2. Trong giai đoạn hoạt động*

- Tuyên truyền cho các hộ dân sống trong khu vực về việc giữ gìn trật tự theo nếp sống văn minh tại nơi sinh sống.

- Thường xuyên kiểm tra để phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố như: tắc vỡ đường ống thoát nước mưa, thoát nước thải.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư**

### **5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng**

\* *Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại, bao gồm:*

- Giám sát khối lượng, chủng loại, thành phần chất thải phát sinh và công tác quản lý, thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển chất thải.

- Tần suất: Thường xuyên.

- Quy định giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày

10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

\* *Giám sát khác:*

- Vị trí giám sát: Khu vực Dự án, tuyến đường chính vận chuyển nguyên vật liệu, tuyến đường vận chuyển bùn, đất hữu cơ không thích hợp đi đổ thải.

- Nội dung cần giám sát: Công tác dọn dẹp mặt bằng thi công hàng ngày, công tác tưới nước giảm thiểu bụi; công tác vận chuyển nguyên vật liệu và đổ thải; công tác thu gom, xử lý nước thải rửa xe; hoạt động thu gom nước thải sinh hoạt; hoạt động tiêu thoát nước mưa.

- Tần suất thực hiện: Thường xuyên.

## **5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động**

### **5.2.1 Giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm**

\* *Giám sát hoạt động của bể xử lý nước thải tạm thời:*

- Vị trí quan trắc: Khu vực Hệ thống xử lý nước thải tạm thời (*Nước thải đầu vào và nước thải sau xử lý tại hố ga trước khi thoát vào kênh hoàn trả CT5-4 phía Nam dự án*).

- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng; pH, TSS; TDS; BOD<sub>5</sub>; NH<sub>4</sub><sup>+</sup>; S<sup>2-</sup>; NO<sub>3</sub><sup>-</sup>; PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>; dầu mỡ động, thực vật; tổng các chất hoạt động bề mặt; tổng Coliform.

- Tần suất: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp (*riêng đối với mẫu nước thải đầu vào chỉ lấy 01 lần*).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số K = 1,0.

### **5.2.2. Giám sát môi trường giai đoạn vận hành chính thức**

\* *Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại*

- Giám sát khối lượng, chủng loại phát sinh và công tác quản lý, thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển chất thải.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Quy định giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

\* *Giám sát nước thải*

- Vấn đề cần giám sát: Hoạt động thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn hoạt động của khu đầu giá.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

\* *Giám sát các vấn đề môi trường khác*

- Tình trạng hoạt động của các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án.

- Tình hình thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ môi trường của dự án.

- Các rủi ro về cháy nổ, sét đánh,...
- Tần suất thực hiện: Thường xuyên.

## **6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau:

6.1. Lập kế hoạch và thực hiện phương án tổ chức thi công đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông, an ninh xã hội theo quy định của pháp luật hiện hành. Có phương án vận chuyển thi công phù hợp với tuyến đường khu vực để không gây ô nhiễm môi trường, giảm thiểu ảnh hưởng đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực và hoạt động sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt của người dân.

6.2. Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân xã Thanh Hà, Ủy ban nhân dân xã Liêm Cần trong công tác quản lý, xử lý chất thải rắn của hoạt động xây dựng, vận chuyển đất hữu cơ, bùn, đất đào không thích hợp đi đổ thải theo đúng quy định của pháp luật.

6.3. Thực hiện thủ tục đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước chung khi hệ thống đường ống thu gom, trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch được xây dựng và hoạt động. Thực hiện thủ tục cấp phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.